Bản hỏi đáp dùng cho người tỵ nạn nước ngoài

外国人避難者用 質問票

Mục đích của bản hỏi đáp này . この質問票の目的

Chúng tôi muốn biết xem mọi người ở nơi tỵ nạn này đang cần những thứ gì .

私たちは、この避難所（みんなが逃げるところ）で、あなたは 何が 必要か 知りたいです。

Vì vậy , xin hãy trả lời các câu hỏi sau đây . ですから、つぎの質問をします。

Bản này sẽ được dùng cho lợi ích của bạn . Không sử dụng vào mục đích gì khác cả .

これは あなたのために 使うものです。ほかの目的では 使いません。

Xin từng người viết vào bản hỏi đáp . Đối với trẻ em , xin người lớn hãy viết thay .

ひとりずつ 書いてください。こどもは、大人が かわりに 書いてください。

Viết xong rồi xin nộp lại cho người phụ trách . 書いたら、避難所の人（担当者）に わたしてください。

Xin hãy trả lời các câu hỏi sau đây （xin đánh dấu ☑ vào chỗ thích hợp ）

つぎの質問に 答えてください。（あてはまるところに☑してください）。

Ngày	Năm	Tháng	Ngày	Thời gian hiện tại	Sáng	Chiều	giờ	phút
今日	年	月	日	今の時間	午前 ・	午後	時	分
Tên 名前				☐ Nam 男	☐ Nữ 女			
Ngày sinh 生まれた年・月・日_____Năm 年____Tháng月____Ngày日								
Địa chỉ （đang cư trú） 住所（住んでいるところ）								
Số điện thoại 電話番号				Số điện thoại cầm tay 携帯電話番号				
Quốc tịch 国籍				Ngôn ngữ sử dụng 母国語（自分が話す言葉）				

Khả năng tiếng nhật (xin đánh dấu ☑vào chỗ thích hợp dưới đây) 日本語（下の あてはまるところに ☑してください）	
Nghe 聞いて	☐Hiểu rõ よく わかります ☐Chút ít すこし わかります ☐Không hiểu わかりません
Nói 話すことが	☐Nói được できます ☐Chút ít すこし できます ☐Không nói được できません
Hiragana ひらがなが	☐Đọc được よく よめます ☐Chút ít すこし よめます ☐Không đọc được よめません
Hán tự 漢字が	☐Đọc được よく よめます ☐Chút ít すこし よめます ☐Không đọc được よめません

登別市総務部総務グループ TEL 0143(85)1130 FAX 0143(85)1108

1 Sức khỏe của bạn thế nào （xin đánh dấu ☑ vào các chỗ dưới đây）

あなたの体は大丈夫ですか？（どちらかに ☑してください）。

☐ Tôi khỏe, không bị gì cả 問題ありません

☐ Tôi không khỏe（xin đánh dấu ☑vào những chỗ dưới đây）

問題があります（下の あてはまるところに ☑してください）

☐ Sốt
熱 が あります（ ℃）

☐ Ớn lạnh xương sống
背中 が ぞくぞくします

☐ Đau cổ họng
のど が 痛いです

☐ Ho
せき が でます

☐ Nhức đầu
頭 が 痛いです

☐ Đau ngực
胸 が 痛いです

☐ Tim đập , hồi hộp
心臓 が どきどきします

☐ Đứt hơi, hụt hơi
息 が きれます

☐ Chóng mặt
めまいが します

☐ Đau bụng
お腹 が 痛いです

☐ Đau bao tử
胃 が 痛いです

☐ Huyết áp cao
血圧 が 高いです

☐ Nôn ói
吐きました

☐ Khó chịu , buồn nôn
気持ち が 悪いです。吐きたいです

☐ Tiêu chảy
下痢 を しています

☐ Kinh phong, giật kinh
てんかん が あります

☐ Mang thai ____tháng
妊娠____か月です

Xin đánh dấu ☑ vào các chỗ thích hợp dưới đây

下のあてはまるところに ☑してください。

Đồng thời xin cũng đánh dấu ○ vào hình bên cạnh chỗ bị thương , bị đau

そして、右の絵にその場所を ○で示してください。

☐Bị thương けが
☐Trật gân ねんざ
☐Phát ban はっしん
☐Bị phỏng やけど
☐Bị tê しびれ

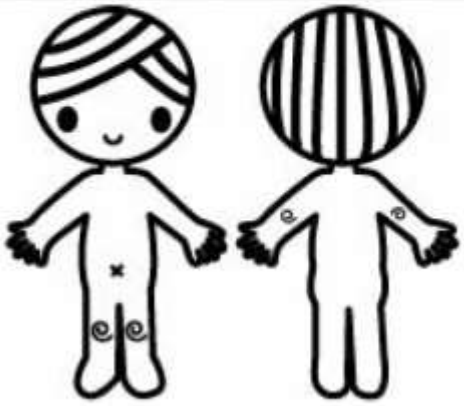

登別市総務部総務グループ TEL 0143(85)1130 FAX 0143(85)1108

2　Bây giờ bạn đang cần gì（Xin đánh dấu ☑ vào các thứ bạn cần）
いま　ほしいもの　は　なんですか？（あてはまるところに　☑してください）。

☐ Thức ăn 食べ物　　☐ Nước 氷　　☐ Quần áo（đồ lót ）着るもの（下着など）

☐ Mền 毛布　　☐ Thuốc 薬　　☐ Tã　おむつ　　☐ Sữa ミルク

☐ Băng vệ sinh 生理用品　　☐　Tôi không cần gì cả 必要なもの　は　ありません

3　Người đã đánh dấu vào「Thức ăn」ở mục số 2 , xin hãy đánh dấu ☑ vào thức ăn cần thiết dưới đây
2で「たべもの」に☑したひとは、下のあてはまるところに　☑してください。

Xin cho biết có thức ăn nào mà bạn không thể ăn được vì lý do bị dị ứng hay vì lý do tôn giáo ?
体　や　宗教　などの　理由で　食べられないもの　が　ありますか？

（Trái cây　果物）
☐Cam オレンジ　☐Trái kiwi キウイフルーツ　☐ Lê 桃　☐ Táo りんご　☐ Chuối バナナ

（Cá v.v.　魚など）
☐ Bào ngư あわび　☐ Mực いか　☐ Trứng cá hồi いくら　☐ Tôm えび
☐ Cua かに　☐ Cá hồi 鮭　☐ Cá thu さば

（Thịt　肉）
☐ Thịt bò 牛肉　☐ Thịt heo 豚肉　☐ Thịt gà 鶏肉

（Rau quả 野菜など）
☐ Lúa mì 小麦　☐ Kiều mạch そば　☐ Đậu phộng 落花生　☐ Đậu nành 大豆
☐ Nấm mộc nhĩ lấy từ cây thông 松茸　☐ Khoai mỡ やまいも　☐ Hạt dẻ くるみ

（Các thứ khác　その他）
☐Trứng 卵　☐Sữa 牛乳　☐Giê-la-tin ゼラチン　☐Các thứ khác　その他
（　　）

登別市総務部総務グループ　TEL 0143(85)1130　　FAX 0143(85)1108

4　Xin cho biết về gia đình bạn　(Xin ghi vào đây chỉ một người của gia đình bạn thôi)

あなたの 家族のこと を おしえてください。(家族の 1人 だけが ここに 書いてください)

Họ tên 家族の名前	Phái 性別	Tuổi 年齢	Quan hệ あなたとの関係	Hiện đang ở đâu ? いま、どこに いますか？
	☐Nam 男 ☐Nữ 女		☐Ông bà 祖父母 ☐Cha mẹ 親 ☐Chồng 夫 ☐Vợ 妻 ☐Con 子ども ☐Cháu nội , ngoại 孫 ☐Anh , em trai /Chị, em gái 兄弟・姉妹 ☐Bác trai , chú /bác gái , cô dì おじ・おば	☐Hiện đang sống chung với tôi いま いっしょに いる ☐Hiện đang ở nhà riêng của họ じぶんの 家に いる ☐Hiện đang ở nơi ty nạn khác ほかの 避難所に いる ☐Tôi không rõ わからない
	☐Nam 男 ☐Nữ 女		☐Ông bà 祖父母 ☐Cha mẹ 親 ☐Chồng 夫 ☐Vợ 妻 ☐Con 子ども ☐Cháu nội , ngoại 孫 ☐Anh , em trai /Chị, em gái 兄弟・姉妹 ☐Bác trai , chú /bác gái , cô dì おじ・おば	☐Hiện đang sống chung với tôi いま いっしょに いる ☐Hiện đang ở nhà riêng của họ じぶんの 家に いる ☐Hiện đang ở nơi ty nạn khác ほかの 避難所に いる ☐Tôi không rõ わからない
	☐Nam 男 ☐Nữ 女		☐Ông bà 祖父母 ☐Cha mẹ 親 ☐Chồng 夫 ☐Vợ 妻 ☐Con 子ども ☐Cháu nội , ngoại 孫 ☐Anh , em trai /Chị, em gái 兄弟・姉妹 ☐Bác trai , chú /bác gái , cô dì おじ・おば	☐Hiện đang sống chung với tôi いま いっしょに いる ☐Hiện đang ở nhà riêng của họ じぶんの 家に いる ☐Hiện đang ở nơi ty nạn khác ほかの 避難所に いる ☐Tôi không rõ わからない

5　Bạn có cần người phiên dịch không? (Xin hãy đánh dấu ☑ vào chỗ cần hoặc không cần)

通訳(あなたの国の言葉を話せる人)は 必要ですか？(どちらかに ☑してください)。

☐Tôi cần 必要です　　☐Tôi không cần 必要 ありません

登別市総務部総務グループ TEL 0143(85)1130　FAX 0143(85)1108

Phần ghi chú của nhân viên phụ trách nơi tỵ nạn 職員記入欄(ここは、避難所の人(担当者)が書きます)

月 日	時間	担当者	対応内容	懸案事項

登別市総務部総務グループ TEL 0143(85)1130　FAX 0143(85)1108